

LƯỢC THÍCH TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

QUYỂN 3

PHẦN A

Mười Hạnh:

(1) *Hạnh Hoan Hy*: Phía nam có nước tên Tam Mục, ở đó có Tỳ kheo tên Thiện Kiến (nghĩa phía nam như trước). Nước tên Tam Mục là tiêu biểu cho mắt pháp, mắt trí, mắt huệ. Vì Thiện tri thức này luôn dùng ba mắt ấy để tạo mọi lợi ích cho chúng sanh. Mục là mắt, vì mắt pháp sáng sạch, luôn thấy pháp thân, mắt trí biết khả năng của chúng sanh, mắt huệ phân biệt lực chọn, thấy rõ đúng sai. Với ba mắt ấy, hạnh nghiệp không sai lầm. Nếu không có ba mắt ấy, bản thân còn mê lầm đắm nhiễm, làm sao tạo lợi ích cho chúng sanh, đưa chúng ra khỏi sự trôi buộc che đậy? Vì hạnh nghiệp của Thiện tri thức nên nước có tên Tam Mục. Tỳ kheo tên Thiện Kiến vì dùng ba mắt này biết được khả năng của chúng sanh, tùy thuộc làm lợi ích, không phí công chỉ dạy. Vì sao vị đầu tiên của mười hạnh lại tiêu biểu bằng Tỳ kheo? Vì về hạnh nghiệp, trước dùng ba mắt soi sáng, ở trong thế gian nhưng không nhiễm đắm nên là Tỳ kheo. Tỳ kheo không đắm nhiễm là giải thoát. Hạnh đầu của mười hạnh tiêu biểu bằng Tỳ kheo là vì không đắm nhiễm. Hạnh đầu của mười trụ Tỳ kheo Đức Vân ở núi Diệu Phong là từ định quán sát. Vì xuất thế gian không còn chấp tướng. Hạnh đầu của mười hồi hướng. Trưởng giả Chúc Hương hiệu Thanh Liên Hoa là chuyển tâm xuất tục, vào trong sanh tử, thành tựu hạnh từ bi lớn, ở trong đời nhưng thấu biểu chơn như, không đắm nhiễm, nên tên là Thanh Liên Hoa Người thế tục. Như cư sĩ Tịnh Danh vậy. Địa đầu của mười địa tiêu biểu bằng Dạ Thần tên Bà San Bà Diễn Đế (Trung Hoa dịch là Chủ Đương Xuân Sanh) vì mười hạnh với hạnh từ bi, luôn ở trong đêm dài sanh tử,

chỉ dẫn tất cả chúng sanh khiến mầm lành thêm lớn. Cũng là vị thần làm chủ mùa xuân, cây cỏ đâm chồi nảy lộc. Thiện Tài đến nước Tam Nhân, đi khắp xóm làng thành ấp, núi non, hang hốc để tìm kiếm (thành thì chúng ta đã biết). Lân, trong Đại truyện của sách thượng thư chép: năm nhà là Lân, ba Lân là Bằng, ba Bằng là Lý, năm Lý là Ấp. Đây là chế định của đời Ngu Hạ (ngoài ra chiếu theo đây sẽ biết). Thiện Tài đi khắp nơi tìm kiếm tiêu biểu cho sự quán sát các pháp, biết tịnh loạn không có thể tánh, ở đâu cũng không vướng mắc. Tỳ kheo ở trong rừng thiền hành tiêu biểu cho hạnh nghiệp như rừng che mát, nuôi lớn muôn loài. Đất có rừng trang sức cảnh đẹp, người có hạnh trang sức đem lại lợi ích cho chúng sanh. Thiền hành là vì thể tánh không ở trong sanh tử, cũng chẳng ở trong Giải thích Niết-bàn. Tỳ kheo trẻ, khỏe tượng trưng cho sự khen che của thế gian không đánh bại được, luôn tạo lợi ích cho chúng sanh. Tóc óng mượt xoắn về bên phải, không rối, đỉnh đầu cao, da óng mịn, cổ ba ngón, trán rộng bằng, mắt to dài như cánh sen xanh, đủ ba mươi hai tướng là thể hiện với ba mắt pháp trí huệ, bên trong trang nghiêm, bên ngoài hiển hiện hạnh lành, từ bi vui vẻ, biết khả năng để đối xử. Khi đi lại thông dong tự tại. Lúc quán sát có trời rồng tám bộ, Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế Thiên vương vây quanh là sự chiêu cảm của hạnh đức. Cai trị một cõi, tùy ý qua lại. Tám quẻ Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Càn, Khảm, Cấn và hai phương trên dưới là mười phương. Nơi nào cũng có thần qua lại. Lại nữa trong pháp biểu Chấn là Mộc (cây). Vì mộc bao hàm mọi hiện tượng ở mười phương. Chữ mộc gồm chữ Thập và chữ Bát, Chấn là tiếng, là chấn động, là rồng xanh, là tốt lành, là trẻ trung, là phát minh, là pháp đầu của các pháp lành, ở đây tiêu biểu cho phương đông. Phương nam tiêu biểu với quả Ly, là hư vô, là đứng đắn, là mặt trời, là mắt, là tâm, là sáng đẹp, là thông suốt. Nếu đạt tâm trống không là có trí huệ sáng đẹp. Vì thế hỏi một lại biết mười, là thông suốt. Con rùa của mười bằng là tiêu biểu việc hỏi một biết mười, là trí huệ sáng. Phương Bắc là quẻ Khảm, là nước là thần Huyền Vũ, là sáng suốt. Phương này tiêu biểu cho sự tối sáng phân minh. Do là chữ Bắc nên ngày đông chí của tháng mười một là phần đầu của tối sáng bắt đầu phân chia hết tối lại sáng, sáng tối ngược nhau. Lại nữa, sự đứng đắn như Huyền Vũ, sự mê mờ như gian tà, lành dữ không hòa được, không thuận nhau, không thể so sánh, tối sáng luôn trái ngược, là chữ Bắc. Vì thế trên lưng Tỳ kheo Hải Tràng xuất hiện hàng nhị thừa. Lại nữa Khảm là bền chắc, là nước, nước nuôi lớn muôn loài. Đó là nghĩa tùy thuận qua lại khắp mười cõi ác. Phương đông bắc là núi, là đá,

là dừng, là trai út, là trẻ nít, bao gồm mọi thứ lớn nhỏ. Khoảng thời gian sữu, mùi là ranh giới của âm dương. Kim tiêu biểu cho giờ sữu, mộc tiêu biểu cho giờ mùi, mặt trời mọc ở giờ dần, mặt trăng mọc vào giờ thân. Quế Cấn là núi, nghĩa là núi cao khó lên. Chữ cấn gồm chữ nhơn và chữ ba, ví như đạo của bậc Thánh khó đạt. tâm thanh tịnh không loạn động như núi, là lúc đạo hiển hiện là Cấn, là tùy thuận qua lại. Phương đông nam là quả Tốn, là gió, là con gái lớn, là lời lẽ, là gia giáo nên quẻ Tốn có ở Tân Sữu, Tân Mùi. Vì sữu là trai út, mùi là mọi người, là tin thuận. Tốn là lời lẽ gia giáo chỉ dạy mọi người, trẻ nít, trai út biểu hiện cho người đạt đạo, đức nhuần, cả trời đất, không còn chỉ dạy nhưng mượn gia phong phân định chánh tà đúng sai. Vì thế chữ tốn gồm hai chữ dĩ, cộng. Sơ lược là vậy. Pháp của mười phương khó lường. Pháp của một phương đủ pháp của mười phương, đan xen lẫn nhau, khó phân biệt hết. Chỉ tùy thuận pháp thế gian, xuất thế gian mà làm, nên trong kinh có câu: “Thần cai trị một phương tùy thuận qua lại là pháp. Điều đó có nghĩa là pháp không có thể cố định, tùy việc biến chuyển. Như người đạt đạo tùy thuận thế gian, hạnh nghiệp tự tại, đi lại khắp nơi chỉ dạy dẫn dắt, khuyến hóa tất cả chúng sanh. Vì sự chỉ dạy là việc cao cả. Dạy thần dùng hoa sen nâng chân: Thần là trí, làm mọi việc ở đời nhưng không đắm nhiễm vì thể tánh trong sạch. Thần rừng Diêm phù Tràng mưa các loại hoa. Rừng này gần ao A Nậu Đạt. Hạnh nghiệp như rừng, che chở mọi loài, không làm một hạnh mà làm vô số hạnh, độ thoát chúng sanh. Hoa là hạnh nghiệp. Thần vô tận quang phóng ánh sáng phá tan bóng tối nghĩa là dùng trí sáng phá mê lầm tăm tối. Thần đất bất động, tạng biểu hiện kho báu khiến chúng sanh làm lành, mở kho báu trí huệ. Thần hư không Phổ Quang Minh dùng trí sáng độ sanh, khiến chúng sanh làm mọi việc nhưng không chấp trước, phá trừ tăm tối, thành tựu phước đức khôn lường. Thần Đức Hải mưa ngọc Ma ni là hạnh từ bi làm sạch nghiệp nhơ của chúng sanh, thần núi Tu Di Vô Cấu tạng cung kính lễ lạy cúi mình chấp tay là tuy có trí cao cả, nhưng luôn khiến tốn, không cao ngạo. Thần gió vô ngại lực mưa hoa thơm. Đây là thần của quẻ Tốn, tức là dùng trí huệ giảng dạy gia giáo, ai nghe được đều vui vẻ là hoa thơm. Tốn là gia giáo. Dạy thần Xuân Hòa Chủ trang sức thân nơi đất, làm mọi việc lành là trang sức. Tất cả hạnh nghiệp không ngoài trí căn bản sáng suốt. Thần ban ngày cầm lọng báu ở trong hư không phóng ánh sáng lớn. Pháp thân không tướng là hư không. Trí sáng căn bản là thể của lọng báu, vì tự tánh của trí trong sạch, sáng suốt là thể của sự chiếu soi. Luôn dùng trí căn bản sáng suốt soi rọi mười

phương. Làm mọi việc nhưng không thấy có pháp nào để đạt, dùng trí này để độ thoát chúng sanh, không nhầm lẫn. Vì ở trong thế gian nhưng không đắm nhiễm, ở trong đời giáo hóa chúng sanh, hành pháp mười hạnh không sai lầm. Mười vị thần này tiêu biểu cho mười Ba-la-mật của mười hạnh soi sáng thế gian, làm gương cho người tu hành. Từ câu: “Tôi nghe bậc Thánh dạy” trở về sau là tỉnh pháp. Tỳ kheo đáp: “Tôi còn nhỏ tuổi, vừa xuất gia” là từ mười trụ vào mười hạnh. Đời tôi đã trải qua vô số cõi Phật bằng số cát trong ba mươi tám sông Hằng tịnh tu phạm hạnh. Ba mắt pháp, trí, huệ, là ba mươi. Ba mắt ấy phá trừ trừ mười vô minh của tâm cảnh thức. Vì nếu dùng ba mắt này để quán sát thì tất cả cảnh của tâm thức đều không ngoài ba mắt pháp, trí, huệ. Sự hiểu biết luôn hợp với tám chánh đạo. Dùng ba mắt này quán sát vô số phiền não sai lầm, biết không pháp nào là không giải thoát, không ngoài sự hiểu biết của ba mắt pháp, trí, huệ. Không có pháp nào không thanh tịnh, thân miệng ý đều thanh tịnh. Vì thế nên nói ở chỗ vô số Phật bằng số cát ba mươi tám sông Hằng tịnh tu phạm hạnh. Vì ba mắt thanh tịnh nên tất cả cảnh thấy biết đều thanh tịnh. Đó là sự hiểu biết của Phật. Trong kinh dạy: hoặc ở chỗ một đức Phật tịnh tu phạm hạnh trong một ngày đêm, bảy ngày đêm, nửa tháng, một tháng, một năm cho đến vô số kiếp, nhập định vô sở chứng, gặp Phật, thành tựu quả Phật, thuyết pháp... không tạp loạn. Ví như mặt trăng không có đầu cuối góc ngọn, mọi pháp dưới mắt vị này không có đúng sai chủ thể, khách thể. Đó là tịnh tu phạm hạnh. Vì tâm cảnh thanh tịnh là Phật. Tu hành là không thấy mình đúng, người sai, là thành Phật. Giả như trải qua vô số kiếp siêng năng khổ nhọc tu tập vẫn không thoát khỏi sanh tử, làm sao biết tâm cảnh thanh tịnh? Vì dùng ba mắt trên vào đời. Người tu hành luôn dùng ba mắt ấy để quán sát thế gian, biến tâm cảnh thừa thành trí nghiệp, tâm cảnh thanh tịnh, từ bi vui hòa chỉ dẫn chúng sanh không mệt mỏi, không lo lắng, tự nhiên hiểu rõ pháp Phật. Từ câu: “Chỉ biết sự giải thoát sáng suốt không cùng của Bồ-tát” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Dùng ba mắt pháp, trí, huệ hiển hiện chiếu soi, không mê tâm cảnh, mọi chủng tử của tình thức đều hết, chỉ còn trí huệ hiển hiện. Đó là pháp sáng suốt không cùng tận. Lại nữa, ví như dùng một ngọn đèn đốt trăm ngàn ngọn đèn dù tối tăm vẫn được soi sáng. Soi sáng mãi không cùng nên gọi là đèn sáng không cùng. Vị này chủ yếu là tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu.

(2) **Hạnh Lợi Ích:** Phía nam có nước tên Danh Văn (nghĩa phía nam như trước) tượng trưng cho trí đức cao xa của đồng tử Tự Tại, hiểu

mọi ngành nghề: Thư, số, kỹ xảo nên tiếng tăm vang xa. Đồng tử tên Tự Tại là vì đồng tử không chết, mọi thứ trên đời không hoại được. Ở trong sanh tử tùy thuận chúng sanh, tự tại hiện thân. Ở cạnh bãi nhỏ trên sông. Trong nước, những nơi ở được, lớn là châu, nhỏ là chữ (bãi nhỏ) chữ = chỉ (bãi nhỏ giữa sông) đôn cát đùa chơi là pháp số nhiều ít tùy số cát đôn, có vô số hạt. Pháp mà đồng tử Tự Tại của pháp này biết được lược có mười: 1) Thư; 2) Toán; 3) Ấn; 4) Y; 5) Công Xảo; 6) Hòa thuốc; 7) Nông; 8) Buôn; 9) Tương; 10) Biết khả năng của mỗi người để chỉ dạy. Dùng mười pháp này tạo lợi ích cho chúng sanh. Số A du đa Trung Hoa qui là một triệu, Na do tha là một ức, còn số khác bản tiếng Phạn chưa dịch. Từ câu “Chỉ ta biết pháp thần thông kỹ xảo” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vị này chủ yếu là tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Hàng Thập trụ quán mười hai duyên sanh, biến biến sanh tử thành biển trí, pháp, thành thể của giới. Mười hạnh dùng giới để thành tựu hạnh lợi sanh.

(3) **Hạnh không trái nghịch:** Chủ yếu là tu Nhẫn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước) Thành lớn tên Hải Trụ. Ở hai vị trước, nêu nước... Vì sao vị này nêu thành...? vì sự hiểu biết của trí là nước. Vị này nhẫn chịu, phòng hộ thân miệng ý, không cao ngạo là thành. Thành tên Hải Trụ biểu thị cho tâm như biển dung nạp mọi dòng sông. Nữ Phật tử tên Cụ Túc vì đầy đủ năm pháp thí, giới, nhẫn, tinh tấn, từ bi. Ở trong thành là trang nghiêm hạnh nhẫn, không rời hạnh nhẫn. Xung quanh nhà trang trí vô số châu báu là nhờ tu hạnh nhẫn nên đạt được công đức tốt đẹp. Nữ Phật tử ngồi trên tòa báu, nhẫn là thể của tòa. Xinh đẹp nhu hòa đều là sự trang nghiêm của Nhẫn. Mặc y phục trắng, xóa tóc dài, thân không trang sức vì bỏ những trang sức bên ngoài là tướng trạng của nhẫn. Thân xinh đẹp, uy đức là sự cảm ứng của nhẫn. Nhà rộng thoáng, mỗi gian bốn cửa là vì nhẫn, thí, nhân, từ rộng lớn, bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng khôn lường. Trước tòa, đất một bát nhỏ. Tất cả chúng sanh đến xin ăn đều được no đủ, đều đạt đạo nhưng đều khác nhau. Vì tu pháp nhẫn, thí, giới, từ bi, khiêm cung, không cao ngạo là bát nhỏ. Công đức rộng lớn là bố thí tất cả. Ai tu đức nhẫn như hư không là được phước đức khôn cùng. Có bài tụng, thân tâm nhẫn nhục không giữa, bên; nào có lớn nhỏ như hư không; tâm tánh bình đẳng không cao thấp, bố thí mười phương không cùng cùng tận. Đó là hạnh nhẫn. Mười ngàn đồng nữ đều tiêu biểu cho hạnh nhẫn nhục nhu hòa. Trăm vạn A-tăng-kỳ thân thuộc tiêu biểu cho hạnh nhẫn nhục từ bi cùng khắp. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát

phước đức không cùng của Bồ-tát” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vì hạnh nhẫn tóm thâu muôn hạnh, đủ vô số công đức.

(4) **Hạnh không Khuất Phục:** Chủ yếu tu tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Đại Hứng là nhờ hạnh tinh tấn Ba-la-mật bố thí rộng rãi cả tài pháp. Cư sĩ tên Minh Trí là nhờ trí tùy thuận thế gian, thực hành hai pháp thí trên đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. Thiện Tài ngồi tòa báu trên đài bảy báu giữa ngã tư đường trong thành. Tòa này được trang trí bằng ba thứ báu (rõ như trong kinh). Đó là báo ứng của mười Ba-la-mật. Thể của tòa là đài bảy báu. Vì bảy phần giác là thể của muôn hạnh. Bảy phần giác: 1) Trạch pháp; 2) Tinh tấn; 3) Niệm; 4) Hỷ; 5) Ý; 6) Định; 7) Xả. Thân trưởng giả là trí căn bản nên tên là Minh Trí. Cư sĩ là người ở trong đời nhưng không đắm nhiễm, với trí sáng, sống trong bảy phần giác, thành tựu vô số hạnh cao thượng, tu hạnh lợi mình, lợi người, hiểu rõ mọi việc, quán sát, điều phục tập tính, ra khỏi mê lầm, siêng năng, thành tựu từ bi lớn nhưng luôn hiểu các pháp là không, trong sạch, thể của nó là trí sáng. Chỉ vì chướng tử tịnh nhiễm, tâm vui thích nơi thế gian nhiều ít nên có từ vi. Rộng hẹp, trọn vẹn, chưa trọn vẹn. An trụ trong hạnh tinh tấn của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, Đẳng giác, Diệu giác là mục đích. Đó là mô hình mẫu cho người tu hành học hỏi đúng pháp Phật nên ngồi tòa bảy báu giữa ngã tư đường. Thể của tòa là bảy phần giác. Khởi dậy bốn nhiếp pháp, bố vô lượng tâm là ngã tư đường, bảy phần giác, mười Ba-la-mật và vô số hạnh nghiệp khác là báu vật trang sức. Luôn ở trong sanh tử phiền não là thành thị. Hạnh nghiệp của vị tinh tấn này là bố thí tài pháp. Cư sĩ dạy Thiện Tài quán sát vô số chúng sanh với sở thích khác nhau. Khi quán xong, cư sĩ nhìn lên hư không, lập tức vô số đại chúng từ trên không đi xuống. Vì thể của trí là trống không. Tất cả quả báo đều giả có từ trí trống không nên mượn việc nhìn lên hư không để biểu hiện cho phước báo có từ trí trống không. Với việc ấy, quán sát nguồn gốc biết nhân của quả. Tất cả tâm từ bi, bố thí tài pháp... đều có từ trí trống không. Mọi hạnh nghiệp đều bắt nguồn từ đó, kể cả nghiệp quả của chúng sanh cũng vậy. Như thế người tu hành sẽ biết được tất cả công đức phước báo nhân quả của chúng sanh... đều có từ trí trống không. Chúng sanh vì không hiểu biết nên tạo nghiệp thiện ác, không thấy trí trống không, nên trôi lăn trong sanh tử. Ai hiểu được pháp này sẽ được trí sáng, luôn tùy thuận thế gian, hành hạnh từ bi. Vô số phước đức bố thí cũng có từ đó. Bởi vậy, người tu học phải biết quán sát mọi thứ sanh khởi từ trí trống không để thực hành

mà không đắm nhiễm. Ví như hoa sen trong bùn lại trong sạch. Trụ tinh tấn thứ tư trong mười trụ. Trưởng giả Di Già (ở chợ) thuyết pháp: Luân tự trang nghiêm cho mười ngàn người, để chúng học pháp lành, biết trí thế gian, hiểu mọi việc ở đời như văn tự thư tịch... đều tác động qua lại. Trong mỗi câu chữ có đủ vô số câu chữ, thành tựu lẫn nhau, vốn trống không. Ở đây, hạnh không khuất phục thứ tư trong mười hạnh thực hành pháp tinh tấn Ba-la-mật tiêu biểu bằng cư sĩ Minh Trí ở ngã tư đường vì sự tu tập bốn nhiếp pháp, tài thí, pháp thí... mọi hạnh đều bắt nguồn từ trí trống không (những nghĩa khác trong kinh đã nói rõ). Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát tùy tâm sanh khởi phước đức” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(5) **Hạnh Đoạn Trừ Mê Lâm**: Chủ yếu tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Nước tên Sư tử Cung vì nhờ thiền định làm phát sanh trí lớn, ở trong sanh tử, thuyết pháp cho mọi người, kiên quyết đoạn trừ sanh tử, không lo sợ. Trí ấy không do người khác đem lại mà là được hiển hiện từ tâm tịch tĩnh của chính mình. Trí huệ là Sư tử. Thiện Tài gặp trưởng giả Bảo Kế trong chợ. Vị này không sống trong thiền tịnh mà ở trong phiền não sanh tử để chỉ dạy cho tất cả chúng sanh. Trưởng giả nắm lấy tay Thiện Tài đưa về chỗ ở của mình. Nhà của trưởng giả được làm bằng vàng ròng sáng loáng. Vách nhà bằng bạc, diện bằng pha lê, lầu gác bằng lưu ly xanh, cột nhà bằng xà cừ. Toàn nhà được trang trí bằng vô số vật báu. Tòa xt làm bằng ngọc đỏ, phủ rèm ngọc, lưới che bằng chơn châu, ao nước bằng mã não, mnước ao thơm phức. Xung quanh có vô số hàng cây báu. Nhà mười tầng tám cửa. Thiện Tài xem xét kỹ lưỡng. Đó là quả báo của tám chánh đạo, thiền định, trí huệ. Xét quả sẽ biết được nhân. Xem xét ngôi nhà xong, Thiện Tài thành tựu đạo nghiệp. Tác giả nói kệ: Thiền định của tâm là ánh sáng, tự tánh trong sạch chính vàng ròng, xuyên suốt hư không chẳng biên giới, đó là nhà ở của người trí. Mắt trí quán sát tất cả pháp, trong sạch thanh tịnh không giữa bên, các pháp không thể lấy hay bỏ, là thành kiên cố của người trí. Hiểu rõ mọi pháp vốn trống không, điều phục tâm vương là cung điện. Với trí sáng tịnh quán thế gian. Xét soi mọi pháp là lầu gác. Những gì thấy nghe ở thế gian, không lấy chẳng bỏ nào lay chuyển, các pháp thấy nghe và hiểu biết, nghe thấy không chấp là cột báu, biết pháp thế gian đều không tánh, người trí dùng đó làm tòa báu, ở trong sanh tử khắp mười phương, sống bằng trí lớn không đắm nhiễm, thành tựu trí sáng không lo sợ, là tòa Sư tử của người trí, bày ra lưới pháp vớt chúng sanh tâm luôn thanh tịnh là

nước thơm.

Nhà có mười tầng và tam cửa đó là mười độ, tám chánh độ, tầng dưới dùng để cho thức ăn, tầng hai cho áo giới quý báu, tầng ba trang sức ngọc nhẫn nhục, tầng bên là thể nữ của hạnh tinh tấn và từ bi, tầng năm trang trí bằng tịnh huệ, Bồ-tát địa thứ năm an trụ ở đấy. Thứ sáu nương pháp không, vi diệu, là nơi an trú địa thứ sáu, tầng bảy phương tiện trụ sanh tử, tầng tám thành tựu trí vô công, tầng chín một đời thành chánh giác, tầng mười thành tựu quả vị Phật. Cứ thế tuần tự tu tập hết, biết rõ không có đầu, giữa, cuối. Với pháp trí huệ và thiền định tự tại với trí chẳng có không. Thiện Tài thưa: Tu pháp gì để đạt quả báo này? Trưởng giả đáp: Thiện nam tử! Ta nhớ cách đây vô số kiếp bằng số bụi trong một cõi Phật, có cõi nước tên Viên mãn Trang nghiêm, đức Phật tên là Vô Biên Quang Minh vương, là bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác... đủ mười hiệu. Khi đức Phật vào xóm làng khát thực, ta trở nhạc và đốt nén hương cúng dường. Ta lại hồi hương công đức đó khắp ba cõi, vĩnh viễn không còn nghèo khổ, luôn được gặp Phật, thiện tri thức, được nghe pháp, nhờ đó nên quả báo này. Vô số kiếp bằng số bụi trong một cõi Phật là sự mê mờ không hiểu biết. Cõi nước tên Viên mãn Trang nghiêm là trí căn bản sáng suốt vốn có đủ vô số công đức, luôn soi xét pháp giới hư không, thấy rõ chúng sanh đều có trí ấy, chỉ vì mê mờ nên có quả báo của ba cõi, sáu đường tốt xấu khác nhau. Những ai tương hợp thiền định không tu tập không tạo tác thì tất cả trần cảnh đều thanh tịnh và thành trí sáng không nương tựa, chẳng có không nhưng có công dụng soi chiếu khắp mười phương, trang nghiêm bằng vô số công đức. Chỉ vì không hiểu bản thể, không bỏ tham sân, vô minh, nếu chuyên tâm tịch tịnh, thoát khỏi mê mờ thì trí sáng hiển hiện. Song dùng năm mươi pháp môn của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hương, mười địa đều hòa quân bình trí bi, thành tựu hạnh Phổ Hiền. Song dùng năm mươi pháp môn của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hương, mười địa đều hòa quân bình trí bi, thành tựu hạnh Phổ Hiền mà thể của trí không ngoài tâm ban đầu, thời gian không thay đổi, trí huệ chẳng biến khác, chỉ làm cho công dụng của trí bi ngày càng tăng trưởng tốt đẹp, thông khắp như hư không, ngang bằng pháp giới, cùng với tất cả chúng sanh tâm an trụ nơi ấy, tùy tâm hiển hiện, đi lại khắp mười phương, trước sau vẫn như thế, tự tánh vốn thế, không cần nghĩ đến việc thần thông biến hóa vì sức từ bi vốn luôn như vậy, công hạnh mới trọn vẹn. Trưởng giả Bảo Kế dùng pháp thiền vốn biết các pháp không tạo tác để khai mở trí sáng, giáo hóa tất cả chúng sanh. Vì chúng sanh không hiểu về thời gian nên tạm

nêu số kiếp bằng số bụi trong một cõi Phật. Nếu hiểu được sẽ thấy xưa nay vốn không, không ngoài sự thăng tiến, không có xưa nay và khoảng giữa nhưng lại có sự chuyển dần như mây trong hư không, không ngoài thể trống không nhưng có tán hợp, vì thể trống không không thuộc thời gian. Vì thế nêu tổng quát là Phật Vô Biên Quang Minh pháp giới Phổ Trang nghiêm vương vào xóm khát thực, ta đốt nén hương thổi nhạc chúng sanh nên đạt được công đức này. Tiếng nhạc là cảnh của năm trần, vì vui lòng sự thông hiểu năm trần vốn là thể của pháp, là cảnh giới của trí sáng, rộng lớn gọi là cúng dường. Đạt được là hồi hướng về ba cõi, vĩnh viễn đoạn trừ nghèo khổ, luôn gặp Phật và thiện tri thức, đạt vô số công đức là biến vọng thành trí để giáo hóa chúng sanh. Từ câu: “Chỉ ta đạt pháp giải thoát với vô số tạng phước đức” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vì ra khỏi vô minh mê muội, thành tựu trí sáng, giáo hóa chúng sanh là vô số tạng phước đức. Thân thiền định của trưởng giả Giải thoát trong mười trụ bao hàm mười cõi Phật rộng lớn. Vì cảnh có từ thể, đó là thể của thiền trong mười hạnh. Trưởng giả Bảo Kế dùng công dụng làm thể của thiền, mọi cảnh giới đều là thiền.

(6) **Hạnh Thiện Hiện:** Chủ yếu là tu Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Có cõi nước tên Tạng Căn, tiêu biểu cho trí huệ sâu xa bền vững của vị này, thấu suốt mọi nơi, không gì lay chuyển. Thành tên Phổ Môn vì trưởng giả này thông đạt mọi pháp ở đời, cứu giúp tất cả, thông hiểu mọi cách chữa bệnh, thị hiện đủ các phương tiện của đại thừa, tiểu thừa, nhất thừa, nường pháp chỉ dạy thích hợp với thời cơ, ban cho mọi thứ hương thơm, nước tắm, y phục, thức ăn... Trưởng giả tên Phổ Nhân biểu hiện cho trí huệ của vị này sâu xa tinh tế, hiểu mọi pháp ở đời, mọi hiện tượng trong mười phương, với trí huệ ấy, vị này thông hiểu về y dược, luôn ban cho tài pháp, lại dung hợp các thứ hương thơm cúng dường Phật (rõ như trong kinh). Từ câu: “Chỉ ta biết pháp làm cho chúng sanh gặp Phật, vui nghe pháp” trở về sau là nói sự thăng tiến. Vị này làm cho mọi người tu hành sau khi thấy đạo, tu tập từ bi tạo lợi ích cho chúng sanh khiến chúng tỏ ngộ. Vì trong phẩm Lợi sanh của mười trụ, Tỳ kheo Hải Tràng an nhập thân thông vắng lặng tạo lợi ích cho cả mười phương. Vị này, trưởng giả Phổ Nhân đem chánh pháp đại thừa, tiểu thừa và sự thông hiểu pháp thế gian để tạo mọi lợi ích cho chúng sanh.

(7) **Hạnh không bám víu:** Chủ yếu tu phương tiện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Đa La Tràng (Trung Hoa dịch là Minh Tịnh), vua tên Vô Yểm Túc, giỏi

cai trị, thương yêu dân, không ghét bỏ dân. Vì nhằm điều phục người đời, những kẻ đầy dẫy ác nghịch, bất thiện nên hiện uy nghiêm, tự hóa hiện mười vạn quỷ dữ độc ác, quần áo xóc xếch, cầm binh khí, giang tay trợn mắt, làm ra các các dụng cụ hình phạt, ai thấy cũng kinh sợ. Tự hóa hiện làm mọi việc ác, lại hóa hiện kẻ theo bắt, hoặc xẻo tai mũi, khoét mắt, dùng đủ hình phạt để cho chúng sanh kinh sợ, trừ bỏ không vi phạm, phát tâm cầu đạo vô thượng, biểu hiện hạnh từ bi của Bồ-tát điều phục pháp ác. Bên ngoài hiện uy nghiêm, bên trong đủ lòng từ bi. Vì tâm từ chơn thật không tổn hại một con trùng, cái kiến, huống gì con người? (Rõ như trong kinh). Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát huyển hóa” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(8) **Hạnh khó đạt:** Chủ yếu là tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Diệu Quang, vua tên Đại Quang. Diệu Quang là trí căn bản không hình sắc. Vua Đại Quang là công dụng rộng lớn của trí ấy, là trí sai biệt. Vì vị này thành tựu một phần của hạnh thuận lý không công dụng nhưng vẫn đủ tâm thuận giải thoát. Khác với trí tùy cơ không dụng công của địa thứ tám trong mười địa. Vì sự tùy thuận thể không tạo tác của trí trở ngại tâm từ bi nên từ mười trụ đến mười địa đều dùng nguyện Ba-la-mật để phòng hộ, khiến cho vị này nhớ lại nguyện xưa, tu hạnh từ bi, không an trụ nơi thanh tịnh, trí bi ngày một tăng trưởng. Khi thành tựu mười địa thì mọi hạt giống phiền não cản trở Niết-bàn tam muội rộng lớn kia mới bỏ được, thành tựu được sự tự tại của hạnh Phổ Hiền. Nếu chưa thành tựu mười địa thì không thể bỏ hạnh trợ đạo. Các pháp thế gian đều vậy, suy xét sẽ biết được. Tùy địa vị của mình mà vị thứ tám của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, đều đạt một phần của trí không dụng công, hòa hợp hạnh trí bi nhưng thể của nó có hơn kém khác nhau. Như nữ Phật tử Hữu Xả trụ thứ bảy trong mười trụ và tiên nơn của trụ thứ tám đều ở chỗ Hải Triều, vì thể trí bi không hai. Còn ở hạnh thứ bảy và thứ tám của mười hạnh. Vua Vô Yểm Túc, vua Đại Quang ở Thanh Tịnh là hòa hợp với thể từ bi, nhưng tùy địa vị mà có hơn kém khác nhau nên tiêu biểu bằng tiên nơn và vua, tùy địa vị mà sức dụng công khác nhau. Các vị khác chiếu theo đây sẽ biết, vị nào cũng như vậy, vì thể của đạo không hai. Song, mục đích là nói lên sự thù thắng của các vị như vị thứ bảy, thứ tám của mười hồi hướng tiêu biểu bằng bậc Thánh nên nói Bồ-tát Quan Âm gặp Bồ-tát Chánh Thú. Một khi thành tựu thần thông công dụng sẽ càng sâu xa rộng lớn. Thành Diệu Quang rộng mười do tuần. Số một, số mười đều là chữ số chính của những số lớn (mẫu

là chính) là trí căn bản. Có mười ức con đường là hạnh nghiệp của trí sai biệt. Vì không ngoài thể của trí căn bản sâu xa mà có vô số công dụng hạnh nghiệp lớn. Mười, một đều là thể lớn của tất cả các số như mười ức, mười bất khả tư nghị. Mỗi con đường có vô số người ở, biểu hiện mỗi một hạnh của trí sai biệt tạo lợi ích cho vô số chúng sanh. Tuy căn tánh sở hích khác nhau nhưng ai ai cũng được toại nguyện. Mọi sự trang sức ở phần sau đều là quả báo của hạnh bi trí (rõ như trong kinh), xét quả biết nhân. Vua có hai mươi tám tướng tốt, vì chưa trọn vẹn hai hạnh pháp lành và chân thật ở sau. Trong mỗi hạnh đều có nhân quả, mà vua thiếu bốn tầng nhân quả này nên chưa đủ ba mươi hai tướng tốt. Khi đầy đủ hai hạnh sau là thành tựu trọn vẹn hạnh giáo hóa nên đủ ba mươi hai tướng tốt. Không ở trong lầu gác đại trí mà ở ngã tư đường là vì bốn nhiếp pháp và bốn tâm vô lượng bao quát mọi hạnh nên đầy đủ các tướng. Trong thành Diệu Quang có một cung điện tên Chánh Pháp Tạng trang trí bằng vô số vật báu sáng rực, xinh đẹp, không gì sánh bằng, ai thấy cũng thích, Vua Đại Quang ở đó. Cung điện là trí căn bản sáng suốt, vua Đại Quang là trí sai biệt. Các tòa lầu nguy nga trong thành là quả báo của mười Ba-la-mật. Tòa lầu ở giữa thành là thể báo ứng của trí căn bản. Vua Đại Quang ở tòa lầu đó, ngồi trên (không rời) tòa Sư tử hoa sen bằng ngọc Ma ni như ý. Vì không trụ nơi trí thanh tịnh nên nói không rời. Dùng y nhiếp pháp giáo hóa chúng sanh là ngã tư là ngã tư, tùy ý đem lại lợi ích cho chúng sanh là báu như ý. Trí trong sạch là Ma ni, luôn ở trong đời nhưng không đắm nhiễm là tòa sen lớn. Tùy nghiệp lực chúng sanh mà thành ấy tịnh nhiễm khác nhau. Nhập tam muội tùy thuận thế gian, chủ yếu là tâm từ lớn. Vì không trụ nơi trí thanh tịnh, tùy thuận thế gian, thực hiện hạnh từ bi đem lại lợi ích cho chúng sanh mà không đắm nhiễm là tam muội. Bồ-tát hành hạnh tùy thuận thế gian. Khi nhập định này, trong ngoài thành hiện đủ sáu thứ chấn động, cây cối nhà cửa mọi cảnh vật đều nghiêng về phía nhà vua như là cung kính nhà vua. Đó là do sức cảm ứng của định (rõ như trong kinh). Từ câu: “Chỉ ta biết tam muội tùy thuận thế gian tu tâm từ” là nói về sự thăng tiến. Vị này không trụ nơi trí thanh tịnh, tùy thuận thế gian, thực hành từ bi.

(9) **Hạnh Pháp Thiệu:** Chủ yếu tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên An Trụ. Trong năm vị, vị thứ chín là Pháp vương vì người đạt vị này thì thuyết pháp tự tại. Vị này tự giữ phép tắc, thân tâm thanh tịnh nên tên là An Trụ. Đó là đức cao cả của pháp sư. Nữ Phật tử tên Bất Động, là đức từ bi như hòa

vui vẻ của pháp sư, tâm không chạy theo cảnh là hạnh của pháp sư. Nữ Phật tử Bất Động là người nữ làm pháp sư. Nữ Phật tử nói: Đối với bà con của mình còn không giận hờn huống gì là người khác? Thiện Tài khen nữ Phật tử có ba hạnh, giữ gìn giới thanh tịnh, tu tập hạnh nhẫn nhục, siêng năng không lùi bước, oi sáng cho thế gian. Gặp nữ Phật tử, Thiện Tài chỉ cung kính chấp tay, không lễ lạy là vì pháp của vị này thuyết giảng không có tánh cao thấp. Không cúi lạy như kinh Vô Hành chép: “Đạt sự bình đẳng không ta, không người của tánh tướng”. Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: Gặp Như Lai không lễ lạy. Vì thế có tên là kinh Vô Hành. Người đạt đạo này không lễ lạy người trên, chỉ cần chấp tay quan sát tức là hợp với thể bình đẳng của đạo, đủ trí bi không cần cúi lễ. Sau khi đạt pháp mới cúi lạy, từ gia ra đi mới cúi lạy pháp sư. Kinh này có mười hạnh. 1) Từ bi; 2) Như hòa; 3) Khiêm nhường; 4) Tâm không giao động trước cảnh sắc; 5) Giữ giới; 6) Nhẫn nhục; 7) Siêng năng; 8) Giảng pháp đối trị thế gian xuất thế gian; 10) Lời lẽ hòa ái, an ủi chỉ dạy. Đó là đức cao cả của pháp sư. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp, cầu pháp không ôi mệt, vì chúng sanh thuyết giảng pháp mầu để chúng vui vẻ” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Ý nghĩa nghĩa của vị này rất rộng, trong kinh đã rõ, ở đây chỉ lược nói đại ý. Muốn hiểu sâu hãy xem kỹ trong kinh để tự răn mình. Nữ Phật tử nói: Ta đã từng thọ trì pháp Như Lai không hề mỏi mệt, không bỏ qua một câu một chữ, cho dù là sách vở về kỹ xảo trong thế gian ta đều học hỏi như vậy. Hãy xem gương người xưa để tự nỗ lực.

(10) **Hạnh Chân thật:** Chủ yếu tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành lớn tên Vô Lượng Đô tát La (Trung Hoa dịch là Hữu Vô Lượng Đại Hỷ Lạc Sư). Vì thiện tri thức này dùng bốn nhiếp pháp để tạo lợi ích cho chúng sanh. Ngoại đạo xuất gia tên Biến Hành. Không đắm nhiễm ba cõi là xuất gia, sống với chúng sanh là Biến Hành, tức là sống với chín mươi sáu thứ ngoại đạo trong ba ngàn Đại Thiên cõi. Vị này đang thiền hành trên cùng đất bằng của đỉnh núi. Trí Ba-la-mật là trí cao cả xuất tục, là đỉnh núi. Tâm bi bình đẳng đem lại lợi ích cho chúng sanh là vũng đất bằng, với trí không nương tựa, thiện tri thức này vào cõi Diêm Phù Đề tùy thuận chúng sanh hiện thân nam nữ lớn nhỏ cùng loại với chúng để thuyết pháp, nhưng chúng sanh không biết vị này từ đâu tới, chỉ dạy cho chúng giáo pháp, tu tập đúng lý. Chúng sanh trong sáu đường trời, người đều như thế nên tên là Biến Hành. Từ câu: “Chỉ ta biết được hạnh đi khắp mọi nơi của Bồ-tát”. Trở về sau là nói về sự thăng tiến. Mười thiện tri

thức này thành tựu mọi kỹ xảo ở đời nhưng lại luôn tu tâm xuất thế. Những ai luôn ở trong biển khổ sanh tử, không ra khỏi cũng không chìm đắm, thành tựu bi trí lớn và nhưt thiết trí. (Phần sau sẽ nói rõ).
